



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

Số hiệu sản phẩm 10076

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Nhựa.

Mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên Không có khuyến cáo cụ thể nào được xác định.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Cảnh báo

Câu cảnh báo nguy cơ

H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

Câu phòng ngừa	<p>P273 Tránh thải ra môi trường.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P332+P313 Nếu thấy da bị kích ứng: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p> <p>P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.</p>
-----------------------	---

Bao gồm EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)	30-60%
Số CAS: 25068-38-6	
Phân loại	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm.
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	DO NOT induce vomiting. Get medical attention immediately. Rửa sạch miệng với nước. Uống nhiều nước.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa. Đưa Phiếu Dữ liệu An toàn này cho nhân viên y tế.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
Sự hít phải	Không có triệu chứng cụ thể nào được biết đến.
Sự ăn phải	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải.
Tiếp xúc với da	Kích ứng da. Dị ứng phát ban.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng mắt và màng nhầy.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Điều trị theo triệu chứng.

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

- Cách chữa cháy phù hợp** Dập lửa với bột chống cồn, cacbon dioxit, bột khô hoặc bình xịt phun sương.
- Cách chữa cháy không phù hợp** Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

- Các sản phẩm cháy nguy hại** Chưa biết. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Oxit của cacbon. Oxit của nitơ.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

- Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Chặn và thu gom nước dùng để dập lửa. Nếu nguy cơ ô nhiễm nước xảy ra, thông báo cho cơ quan chức năng.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

- Những cảnh báo cho cá nhân** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. In case of spills, beware of slippery floors and surfaces.

Các cảnh báo về môi trường

- Những cảnh báo về môi trường** Tránh xả thải ra ống thoát nước hoặc kênh rạch hoặc mặt đất. Bao xung quanh khu vực tràn đổ bằng cát, đất hoặc các vật liệu không dễ cháy phù hợp khác để tránh việc chảy vào ống thoát nước.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

- Các phương pháp lau dọn** Dùng vecmiculit, cát khô hoặc đất để hấp thu và cho vào thùng chứa. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Đối với xử lý chất thải, xem Phần 13.

Tham khảo cho các phần khác

- Tham khảo cho các phần khác** Về bảo hộ cá nhân, xem Phần 8. Thu gom và thải bỏ tràn đổ như đã nêu ở Phần 13.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

- Những lưu ý khi sử dụng** Đọc và làm theo khuyến nghị của nhà sản xuất. Do not eat, drink or smoke when using the product. Quần áo và giày bị nhiễm hóa chất phải được bỏ đi. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

- Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín. Giữ thùng chứa khô. Bảo quản trong thùng chứa đóng kín. Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Keep away from food, drink and animal feeding stuffs. Không lưu trữ gần nguồn nhiệt hoặc phơi ra nhiệt độ cao.

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

- (Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Bảo hộ tay

Cao su butyl. (EN 374) Barrier cream applied before work may make it easier to clean the skin after exposure, but does not prevent absorption through the skin. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thẩm thấu của chất liệu làm găng.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Use barrier creams to prevent skin contact. Mặc quần áo thích hợp để ngăn khả năng tiếp xúc với da.

Bảo hộ cho hô hấp

Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp cả mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Nâu.
Mùi đặc trưng	Mùi đặc trưng.
Độ pH	Không áp dụng. Không áp dụng.
Điểm nóng chảy	Không xác định.
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	Không áp dụng.
Tỷ lệ hóa hơi	Không áp dụng.
Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ	Không áp dụng.
Áp suất hơi	Không xác định.
Tỷ trọng hơi	Không áp dụng.
Tỷ trọng tương đối	Không xác định.
Tỷ trọng lớn	Không áp dụng.
Tính tan	Không thể trộn lẫn với nước.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không áp dụng.
Độ nhớt	Không áp dụng.
Tính oxy hóa	Không phù hợp với tiêu chuẩn để phân loại vào nhóm chất oxy hóa.
Thông tin khác	Không.
Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ	Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 0 g/litre.

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất Các chất liệu sau có thể phản ứng với sản phẩm này: Chất liệu oxy hóa. Axit. Kiềm mạnh.

Mức độ ổn định của chất Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.

Khả năng gây ra phản ứng nguy hại Không có liên quan.

Các tình trạng cần tránh Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa mạnh. Tránh tiếp xúc với axit và kiềm.

Các vật liệu cần tránh Strong oxides.

Các sản phẩm cháy nguy hại Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Các tác động của độc tính Không có dữ liệu.

Sự hít phải Không có nguy hại sức khỏe nào được biết.

Sự ăn phải Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải.

Tiếp xúc với da Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.

Tiếp xúc với mắt Kích ứng mắt và màng nhầy.

Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẫn tính Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa các chất độc hại với sinh vật thủy sinh và có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Sản phẩm này tan ít trong nước.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không xác định.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương. Chất sót lại và thùng chứa rỗng phải được xử lý như chất thải nguy hại theo quy định của địa phương và quốc gia.

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

Nhóm chất thải 08 04 09

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển**Số UN**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 3082

Số UN (IMDG) 3082

Số UN (ICAO) 3082

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Bisphenol A Epoxy Resin)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Bisphenol A Epoxy Resin)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Bisphenol A Epoxy Resin)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 9

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 9

Nhóm IMDG 9

Nhóm/ mục ICAO 9

Nhãn vận chuyển**Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 90

PHẦN 15: Thông tin luật địnhQuy định/luật định cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho chất hoặc hỗn hợp

EPOCAST-INDUSTRIE BASIS MASS

Quy định quốc gia Các quy định về Hóa chất (Thông tin nguy hại và Đóng gói khi Cung cấp) 2009 (SI 2009 Số. 716).

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 4

Ngày thay thế 06/12/2017

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản dị ứng với da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.